

# PHÁT TRIỂN CỦA KHU VỰC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG NĂM 2011

## Bạn có biết?

### 1. Dân số

• Năm 2010, có hơn 4,2 tỷ người sống trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương, chiếm 61% dân số thế giới ...

Khu vực này có hai quốc gia duy nhất trên thế giới có dân số hơn 1 tỷ người đó là Trung Quốc và Ấn Độ.

• Tỷ lệ sinh sản đã giảm trong khu vực, năm 2010, tỷ lệ sinh chung khu vực toàn khu vực đã bằng “mức sinh thay thế”, chỉ ở mức 2,1 ...

Đông và Đông Bắc Á, và Bắc và Trung Á có tỷ lệ sinh thấp nhất trong khu vực, ở mức 1,6 và 1,8 con trên một phụ nữ, tương ứng. Tỷ lệ sinh cao nhất được tìm thấy ở Nam và Tây Nam Á, ở mức 2,7 con và các nền kinh tế đang phát triển khu vực đảo Thái Bình Dương là 3,7.

Trong số thanh thiếu niên, tỷ lệ sinh ở mức 45,2 ca sinh-sống trên 100.000 phụ nữ ở độ tuổi 15-19, trong giai đoạn 2005-2010 thấp hơn nửa tỷ lệ ở châu Phi, và cao gần gấp ba lần châu Âu. Afghanistan và Nepal là hai nước duy nhất trong khu vực có tỷ lệ sinh thanh thiếu niên vượt quá 100.

• Châu Á và Thái Bình Dương có tỷ số giới tính của trẻ em cao nhất thế giới ...

Ở châu Á và Thái Bình Dương, tỷ số giới tính của trẻ em (số bé trai tính trên 100 bé gái tuổi từ 0-14) là 110 trong năm 2010, cao hơn nhiều so với tỷ số giới tính theo quy luật tự nhiên (105). Tỷ số giới tính dân số trong khu vực là 104 (104 nam trên 100 nữ). Tỷ số giới tính trẻ em và giới tính dân số khu vực châu Á-Thái Bình Dương cao hơn tất cả các khu vực khác trên thế giới. Trung Quốc có tỷ số giới tính trẻ em ở mức 121, và tỷ số giới tính dân số là 108, cao nhất trong số các quốc gia khu vực châu Á-Thái Bình Dương.

• Người cao tuổi đạt con số 294 triệu ở châu Á và Thái Bình Dương trong năm 2010...

Tỷ lệ người cao tuổi (từ 65 trở lên) ở châu Á và

Thái Bình Dương tăng từ 5,3% năm 1990 lên 7,0% trong năm 2010, chiếm tới 34% tổng dân số. Tính theo tiểu vùng, người cao tuổi chiếm tới 47% ở khu vực Đông và Đông-Bắc Á, 40% ở Đông Nam Á, 29% ở Nam và Tây Nam Á, 20% ở Bắc và Trung Á, và 17% ở khu vực Thái Bình Dương.

Trong thập kỷ qua, tuổi thọ của cả phụ nữ và nam giới đã tăng lên trong ở tất cả các quốc gia Châu Á-Thái Bình Dương theo các số liệu sẵn có - sự tăng lên lớn nhất được thấy ở Nepal, ở đây tuổi thọ của phụ nữ tăng 4,1 năm và của nam giới tăng 3,7 năm.

• Châu Á và Thái Bình Dương là khu vực đang đô thị hóa phần còn lại của thế giới...

Từ năm 2005 đến 2010, tỷ lệ dân số thành thị của thế giới đã vượt tỷ lệ dân số nông thôn, tăng từ 49% năm 2005 lên 51% trong năm 2010. Châu Á và Thái Bình Dương, khu vực đô thị hóa thấp thứ hai trên thế giới, có tỷ lệ đô thị là 43% năm 2010, tăng từ 33% năm 1990. Trong số 21 thành phố siêu lớn thế giới năm 2010, có 12 thành phố ở châu Á (thành phố siêu lớn được xác định là có hơn 10 triệu dân). Năm 2005, có tới 65% dân số đô thị ở các quốc gia kém phát triển nhất của khu vực châu Á-Thái Bình Dương sống trong các khu nhà ổ chuột.

• Trong năm 2010, khu vực châu Á-Thái Bình Dương là nước chủ nhà của 53 triệu người di cư ...

Người di cư sống ở châu Á và Thái Bình Dương chiếm tới 25% tổng số dân di cư trên thế giới. Tỷ lệ dân di cư trong tổng dân số châu Á - Thái Bình Dương là 1,3%.

• Trong năm 2009, ở châu Á - Thái Bình Dương có 2,8 triệu trẻ sơ sinh, và có 0,8 triệu trẻ em dưới 5 tuổi chết.

Tỷ lệ chết của trẻ dưới 5 tuổi đã giảm từ 86‰ năm 1990 giảm xuống 49‰ trong năm 2009. Tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh giảm từ 63‰ năm 1990 xuống còn 38‰ trong năm 2009. Cho đến nay vẫn còn

quá nhiều trẻ dưới 5 tuổi và trẻ sơ sinh trong khu vực bị chết hàng năm. Afghanistan có tỷ lệ chết của trẻ dưới 5 tuổi tử vong cao nhất, 199‰, sau đó là Campuchia (88‰), Pakistan (87‰) và Bhutan (79‰).

• *Tỷ lệ chết của bà mẹ ở châu Á và Thái Bình Dương đã giảm gần nửa trong hai thập kỷ qua ...*

Năm 2008 so với năm 1990, toàn khu vực, có ít hơn 177.300 bà mẹ chết trong khi sinh con, tuy nhiên, vẫn có 136.995 ca tử vong mẹ trong khu vực năm 2008, chiếm gần 40% số ca tử vong mẹ của thế giới. Sự chênh lệch về tỷ lệ tử vong của các bà mẹ giữa các quốc gia thu nhập thấp và thu nhập cao rất lớn: 517 ca tử vong mẹ trên 100.000 ca sinh - sống ở các nước thu nhập thấp, so với chỉ là 10/100.000 ca ở các nước thu nhập cao. Tỷ lệ tử vong của các bà mẹ có liên quan chặt chẽ với việc chăm sóc trước khi sinh – trong năm 2008 có khoảng 15 triệu phụ nữ sinh con không khám thai lần nào. Năm 2009, toàn khu vực có tới 23 triệu ca sinh con không có sự trợ giúp của các nhân viên y tế; Trong đó khu vực Nam và Tây Nam Á chiếm tới 20 triệu.

• *Ở châu Á và Thái Bình Dương, ước tính có khoảng 6,1 triệu người đang sống chung với HIV và gần 300.000 người đã chết do các nguyên nhân liên quan đến AIDS trong năm 2009...*

Số người mới nhiễm HIV đang giảm ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương; năm 2009 có 360.000 người bị nhiễm HIV, giảm 20% so với 450.000 ca nhiễm mới năm 2001. Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Malaysia, Myanmar, Liên bang Nga, Thái Lan và Việt Nam đã có hơn 100.000 người sống chung với HIV trong năm 2009 - Chỉ riêng Ấn Độ đã có tới 2,4 triệu người. Những người tiêm chích ma túy có tỷ lệ nhiễm HIV cao hơn bất kỳ dân số có nguy cơ nào khác trong dân số, trong khi tỷ lệ sử dụng bao cao su của những người dùng tiêm chích ma túy vẫn thấp - 75% các nước có số liệu cho thấy tỷ lệ sử dụng bao cao su dưới 50%.

• *Hàng năm, sốt rét có ảnh hưởng đến hàng triệu người dân ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương...*

Ở châu Á và Thái Bình Dương, có 5 triệu trường hợp mắc bệnh sốt rét được báo cáo trong năm

2009, và có 4.000 ca tử vong liên quan đến bệnh sốt rét. Papua New Guinea có tỷ lệ mắc bệnh sốt rét cao nhất trong năm 2009, với 20.137 trường hợp trên 100.000 dân số, tiếp theo là Đảo Solomon (16.071), Đông Timor (9566) và Vanuatu (6178).

• *Mặc dù tỷ lệ mắc bệnh lao đang giảm, nhưng có tới 5,9 triệu trường hợp nhiễm mới được báo cáo trong năm 2009.*

Ở châu Á và Thái Bình Dương đã có 143 trường hợp nhiễm mới trên 100.000 dân được chẩn đoán nhiễm lao trong năm 2009.

• *Các bệnh không lây nhiễm là nguyên nhân chết chủ yếu ở các nước khu vực châu Á và Thái Bình Dương...*

Với số liệu có sẵn trong năm 2008, hơn nửa số nước khu vực châu Á-Thái Bình Dương, các bệnh không lây nhiễm chiếm hơn 50% số năm bị mất đi trong cuộc đời (là số năm một người có thể sống thêm nếu họ không bị chết sớm).

Sử dụng thuốc lá và tiếp xúc với khói thuốc lá đã giết chết hơn 5 triệu người ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương trong năm 2008, tính trung bình cứ 6 giây có 1 người chết. Toàn khu vực, năm 2005, trung bình một người lớn uống 5 lít rượu, thấp hơn mức trung bình của thế giới, 6 lít. Bắc và Trung Á là tiểu khu vực chiếm kỷ lục tiêu thụ rượu bình quân đầu người cao nhất trong năm 2005, lên tới 13 lít/người trưởng thành.

• *Ở châu Á và Thái Bình Dương năm 2008 có 9 trong số 10 trẻ ở tuổi tiểu học đi học; nhưng chỉ có 6 trong số 10 em ở độ tuổi trung học đi học...*

Hơn 26 triệu trẻ em ở độ tuổi tiểu học khu vực không đi học trong năm 2008. Trong cùng năm, có 57% trẻ em ở độ tuổi học trung học ở các nước có thu nhập thấp không đi học, trong khi ở các nước có thu nhập cao, tỷ lệ không đi học chỉ là 6,0%. Tỷ lệ đi học cao đẳng, đại học là 10% ở nước thu nhập thấp, so với 71% ở các nước có thu nhập cao.

• *Trừ 6 nước, tất cả các nước khác trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương đã đạt được bình đẳng giới trong đi học cấp tiểu học ...*

Chỉ số bình đẳng giới tính cấp tiểu học của cả khu vực là 0,98 (bình đẳng ở mức 1,0); và chỉ có 6 nước trong khu vực chứng tỏ bất bình đẳng giới, ưu

ái cho bé trai đi học cấp tiểu học, đó là các nước Cam-pu-chia, Ấn Độ, Indonesia, CHDCND Lào, Pakistan và Tajikistan. Tuy nhiên, trong năm 2007, việc đi học cấp trung học cho thấy chỉ số bình đẳng giới chỉ là 0,79 - tức là chỉ có 8 em gái đã được đi học so với 10 em trai.

- *Châu Á và Thái Bình Dương có số lượng người lớn mù chữ lớn nhất thế giới.*

Khu vực chiếm tới 518 triệu trong tổng số 793 triệu người lớn mù chữ trên toàn thế giới (số liệu gần đây), chỉ riêng Nam và Tây Nam Á có tới 416 triệu người mù chữ. So với nam giới, tỷ lệ phụ nữ mù chữ vẫn cao hơn nhiều, chiếm tới 65% tổng số của toàn khu vực, vẫn gần bằng tỷ lệ của hai mươi năm trước (64%).

- *Tổng chi phí cho nghiên cứu và phát triển (R & D) khu vực Châu Á tăng, tính theo sức mua tương đương là 155 tỷ đô la Mỹ trong thập kỷ qua, tính chung toàn cầu chiếm tỷ lệ từ 27% đến 32%...*

Năm nước chiếm tới 92% số tiền đầu tư cho R & D ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương: Nhật Bản (148 tỷ), Trung Quốc (102 tỷ), Hàn Quốc (41 tỷ), Ấn Độ (25 tỷ) và Liên bang Nga (24 tỷ). Toàn khu vực châu Á - Thái Bình Dương chỉ có 746 nhà nghiên cứu tính trên 1 triệu dân trong năm 2007, thấp hơn mức trung bình của thế giới là 1081. Phụ nữ chỉ chiếm 18% lực lượng lao động trong khu vực R & D năm 2007 - thấp hơn châu Phi (33%), châu Mỹ La tinh và vùng Ca-ri-bê (45%), và châu Âu (34%).

- *Sự tham gia của nữ trong lực lượng lao động châu Á và Thái Bình Dương vẫn ở mức 65 phụ nữ trên 100 nam giới làm việc từ 1991 đến 2009 ...*

Ở châu Á và Thái Bình Dương, 47% phụ nữ làm việc trong ngành nông nghiệp trong năm 2008, so với 38% nam giới. Tỷ lệ phụ nữ làm việc trong ngành công nghiệp vẫn duy trì tương đối ổn định trong vòng 20 năm qua, ở mức dưới 20% số phụ nữ làm việc.

- *Phụ nữ được tiếp cận đất và tài sản vẫn “rất hạn chế” ở một số nước châu Á và Thái Bình Dương ...*

Có 5 nước ở Nam và Tây Nam châu Á được OECD phân loại là nước phụ nữ tiếp cận với đất đai “rất hạn chế” (Afghanistan, Bangladesh, Ấn Độ,

Cộng hòa Hồi giáo Iran và Sri Lanka); hai nước khu vực Thái Bình Dương (Fiji và Papua New Guinea) và một nước thuộc khu vực Bắc và Đông Bắc Á (Mông Cổ). Phụ nữ ở Afghanistan và Papua New Guinea “không được tiếp cận” với tài sản riêng nào khác ngoài đất đai.

- *Trong khu vực, chỉ có Hồng Kông, Trung Quốc có hệ thống pháp luật đầy đủ về bạo lực trên cơ sở giới...*

Dựa vào các dữ liệu có sẵn trong năm 2009, ba nước trong khu vực không có pháp luật về bạo lực chống lại phụ nữ là Cộng hòa Triều Tiên, Cộng hòa Hồi giáo Iran, và Afghanistan.

- *Phụ nữ thiếu sự đại diện về chính trị tầm quốc gia và địa phương ở hầu hết các nước châu Á và Thái Bình Dương ...*

Trong năm 2010, chỉ có hai nước khu vực châu Á và Thái Bình Dương có số lượng phụ nữ chiếm 30% hoặc hơn về số ghế trong quốc hội là Nepal và New Zealand.

- *Dân số sống trong nghèo đói cùng cực ở châu Á và Thái Bình Dương đã giảm từ khoảng 1,6 tỷ người năm 1990 xuống còn 0,9 tỷ người năm 2008...*

Tỷ lệ nghèo đói cùng cực cao nhất thuộc khu vực miền Nam và Tây Nam Á (36%), tiếp theo là Đông Nam Á (21%), Đông và Đông Bắc Á (13%), và Bắc và Trung Á (8,2%) - nghèo đói cùng cực được xác định là những người sống dưới mức 1,25 đô la/ngày (tính theo sức mua tương đương).

- *Ở châu Á và Thái Bình Dương, có 466 triệu người không được tiếp cận với nguồn nước hợp vệ sinh và có 1,86 tỷ người không tiếp cận với điều kiện vệ sinh được cải thiện trong năm 2010 ...*

Toàn khu vực, tỷ lệ dân số được tiếp cận với nguồn nước hợp vệ sinh đã tăng từ 74% tổng số dân năm 1990 lên đến 89% năm 2008, có 96% dân số thành thị, và 83% dân số nông thôn có nguồn nước được cải thiện. Tiếp cận với điều kiện hợp vệ sinh tăng từ 42% đến 54% tổng số dân trong cùng kỳ - giữa năm 1990 và 2008, dân số khu vực nông thôn được tiếp cận với điều kiện vệ sinh tăng từ 30% đến 43%.

## 2. Môi trường

• Các nước châu Á và Thái Bình Dương chiếm gần nửa lượng khí thải CO<sub>2</sub> của thế giới trong năm 2008; năm 1990 lượng khí thải của khu vực này chỉ chiếm 38% ...

Trong năm 2008, Trung Quốc có lượng phát thải khí nhà kính lớn nhất thế giới, 6,5 tỷ tấn CO<sub>2</sub>, nhiều hơn 0,4 tỷ tấn so với lượng phát thải khí nhà kính của cả khu vực Bắc Mỹ. Tuy nhiên, nếu tính bình quân đầu người, thì khu vực Bắc Mỹ cao gấp 3,7 lần Trung Quốc.

• Châu Á và Thái Bình Dương có lượng nước khai thác hàng năm cao nhất trong các khu vực ...

Trong khoảng 60% và 90% lượng nước khai thác đã được sử dụng trong nông nghiệp ở tất cả các vùng của khu vực châu Á-Thái Bình Dương. Khả năng cung cấp nước đã thay đổi từ mức cao 50.000 mét khối nước/người hàng năm ở Thái Bình Dương xuống dưới 2.500 mét khối bình quân đầu người/năm ở khu vực Đông và Đông Bắc Á, và Nam Tây Nam châu Á.

• Trong năm 2008, châu Á và Thái Bình Dương sản xuất nhiều năng lượng hơn bất kỳ khu vực nào khác trên thế giới, chiếm 46% sản lượng năng lượng toàn cầu ...

Từ năm 2000 đến 2008, sản xuất điện ở châu Á và Thái Bình Dương tăng trung bình 6,1%/ năm, và chiếm sản lượng điện của thế giới, tăng từ 32% đến 42%. Đông và Đông Bắc Á sản xuất 5.051 tỷ kwh điện trong năm 2008, gần 60% sản lượng điện toàn khu vực châu Á-Thái Bình Dương. Trung Quốc và Nhật Bản chiếm tới 4.539 tỷ kwh. Tuy nhiên, khu vực châu Á và Thái Bình Dương được xếp hạng thấp thứ hai về tiêu thụ năng lượng bình quân đầu người, sau châu Phi, chỉ bằng khoảng 74% mức trung bình của thế giới.

• Đe dọa đa dạng sinh học ở châu Á và Thái Bình Dương là hiện tượng phổ biến ...

Đông Nam Á giảm 13% độ che phủ rừng trong 20 năm - khoảng 332 nghìn km<sup>2</sup>, diện tích gần bằng quy mô Việt Nam. Chỉ riêng Indonesia đã mất khoảng 241 nghìn km<sup>2</sup>. Ngược lại, độ che phủ rừng tại Trung Quốc đã tăng 5,4% trong hai thập kỷ qua.

Khu vực Châu Á và Thái Bình Dương chiếm

khoảng gần 1/3 trong toàn bộ các loài bị đe dọa trên thế giới và khoảng 2/3 các loài bị đe dọa của các nước khu vực châu Á-Thái Bình Dương. Các nước này có sự gia tăng về số lượng loài bị đe dọa tuyệt chủng từ năm 2008 đến năm 2010. Sự gia tăng lớn nhất thuộc về Ấn Độ, có tới 99 loài đã được bổ sung vào danh sách các loài bị đe dọa tuyệt chủng.

• Thảm họa thiên nhiên đã làm hơn 70.000 người thiệt mạng mỗi năm trong thập kỷ vừa qua ở châu Á và Thái Bình Dương ...

Hơn 200 triệu người bị ảnh hưởng do thảm họa tự nhiên ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương mỗi năm trong thập kỷ qua. Trong tổng số người bị ảnh hưởng do thảm họa tự nhiên trên thế giới, khu vực Châu Á và Thái Bình Dương chiếm tới 90% những người bị ảnh hưởng do thảm họa tự nhiên, 65% số người chết do thảm họa tự nhiên, và 38% thiệt hại kinh tế từ thảm họa tự nhiên từ năm 2001 và 2010. Trong các nước khu vực châu Á-Thái Bình Dương có thu nhập cao, có khoảng 1/ 1.000 người bị ảnh hưởng bởi thiên tai, và 1/1.000.000 người chết hàng năm trong thời kỳ 2001 đến 2010; ngược lại, ở các nước có thu nhập thấp có khoảng 30/1.000 người bị ảnh hưởng và 52/1.000.000 người bị chết.

## 3. Kinh tế

• Bất chấp khủng hoảng tài chính thế giới năm 2009, châu Á và Thái Bình Dương vẫn duy trì được mức tăng trưởng GDP tích cực trong năm 2009 ...

Tăng GDP ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương trong năm 2009, ở mức 0,5%. Các nước có thu nhập thấp và trung bình thấp có tỷ lệ tăng GDP bình quân là 5,7% và 7,6%, tương ứng. Tăng trưởng ở các nước có mức thu nhập trên trung bình và các nước có mức thu nhập cao là -4,8% và -3,3%, tương ứng, gần bằng tốc độ tăng trưởng ở châu Âu.

• Việc cắt giảm đầu tư ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương và cân đối tài chính âm trong năm 2009 phản ánh kết quả của khủng hoảng tài chính toàn cầu ...

Tổng mức đầu tư trong nước trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương đã ký hợp đồng là 5,8% năm 2009. Trong năm 2009, mức đầu tư bình quân trong khu vực là 29% GDP.

Năm 2009, toàn bộ các quốc gia khu vực châu

Á-Thái Bình Dương có cân đối tài chính âm, trừ Hồng Kông, Trung Quốc; các nước Thái Bình Dương của quần đảo Solomon và Tonga. Hai quốc gia lớn nhất thế giới là Trung Quốc và Ấn Độ, có mức thâm hụt ngân sách tương ứng là 2,2% và 6,6% GDP.

• *Tác động tiền tệ của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2009 cũng đã rõ ràng ở khu vực châu Á và Thái Bình Dương ...*

Lạm phát ở Châu Á và Thái Bình Dương đã giảm từ 6,6% năm 2008 xuống 2,6% trong năm 2009; và bốn quốc gia đã có tình trạng giảm phát trong năm 2009: Campuchia, Trung Quốc, Nhật Bản và Thái Lan. Trong năm 2009, mức chiết khấu của ngân hàng trung ương đã giảm ở 20 trong số 30 nước khu vực châu Á-Thái Bình Dương có số liệu, và giữ ở mức cố định ở 10 nước khác. Ở châu Á và Thái Bình Dương, có 9 đồng tiền mất giá so với đồng Đô la Mỹ, và tất cả các loại tiền tệ khác đều lên giá - có 25 đồng tiền khu vực châu Á-Thái Bình Dương lên giá từ 1,0% hoặc hơn.

• *Khu vực châu Á-Thái Bình Dương có tỷ lệ thất nghiệp thấp nhất thế giới trong năm 2009, ở mức 5,0%,...*

Trong năm 2009, tỷ lệ thất nghiệp ở tất cả các khu vực khác trên thế giới cao hơn ở châu Á và Thái Bình Dương: Châu Phi 8,3%, châu Âu 9,2%, Mỹ Latinh và Caribê 7,7%, Bắc Mỹ 9,3%. Trong số những người làm việc trong khu vực châu Á và Thái Bình Dương, có 41% lao động làm việc khu vực nông nghiệp, 36% lao động làm việc trong khu vực dịch vụ và 25% làm việc trong khu vực công nghiệp.

• *Việc làm có tỷ lệ cao hơn đối với nam ...*

Tỷ lệ việc làm-dân số của nam trong khu vực là 76, và của nữ là 51. Đáng chú ý là, có 6 trong số 10 quốc gia ở Nam và Tây Nam Á có tỷ số việc làm-dân số của nam cao hơn gấp đôi so với của nữ.

• *Đến năm 2010, châu Á và Thái Bình Dương đã vượt các mức xuất khẩu và nhập khẩu thời kỳ trước khủng hoảng, năm 2008, là khu vực duy nhất trên thế giới thực hiện được như vậy ...*

Năm 2010 xuất khẩu và nhập khẩu của khu vực châu Á-Thái Bình Dương khoảng 200 tỷ cao hơn năm 2008, trong khi tất cả các khu vực khác đều giảm cả xuất khẩu và nhập khẩu. Sự phục hồi nhanh

của châu Á và Thái Bình Dương đã làm tăng thị phần xuất khẩu hàng hóa toàn cầu lên của khu vực này lên tới 36%, và nhập khẩu hàng hóa lên đến 34%, do vậy đã thu hẹp khoảng cách với châu Âu, khu vực có mức xuất khẩu và nhập khẩu lớn nhất (ở mức 37%).

• *Sự phụ thuộc về thương mại trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương gần gấp đôi kể từ năm 1990 ...*

Khi đo bằng tỷ số xuất khẩu hàng hóa so với GDP, thì sự phụ thuộc trong khu vực về thương mại tăng từ 14% năm 1990 lên 24% trong năm 2009.

• *Năm 2009 Trung Quốc đã vượt Nhật Bản và là nước đứng đầu về xuất khẩu dịch vụ khu vực châu Á-Thái Bình Dương...*

Giữa 2000 và 2010, thị phần thương mại về dịch vụ của Nhật Bản giảm hơn 1/3 và thị phần của Trung Quốc gần như đã gấp đôi, làm cho Trung Quốc chiếm thị phần cao nhất về dịch vụ thương mại trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương.

• *Trong năm 2009, FDI vào khu vực châu Á-Thái Bình Dương giảm 30%, và dòng vốn ODA giảm 70% ...*

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) giảm từ 469 tỷ USD trong năm 2008, xuống mức 330 tỷ USD trong năm 2009; và nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) đã giảm mạnh từ 28 tỷ đô la Mỹ xuống 8,5 tỷ đô la Mỹ. FDI tính theo tỷ trọng GDP chỉ tăng ở hai nước khu vực châu Á-Thái Bình Dương và không quốc gia nào có ODA tăng.

Các dòng vốn đầu tư chính của FDI trong khu vực là Trung Quốc, Nhật Bản, Liên bang Nga và Hồng Kông, Trung Quốc; tính chung trong năm 2009, các nước này đã cung cấp 1/5 tổng vốn đầu tư FDI của thế giới.

• *Kiểu hối của người lao động nước ngoài đóng góp đáng kể cho nhiều nước châu Á và Thái Bình Dương ...*

Kiểu hối của người lao động ở châu Á và Thái Bình Dương tăng 1,8%, từ 114 tỷ USD năm 2008 lên 117 tỷ đô la Mỹ năm 2009. Kiểu hối đóng góp có ý nghĩa nhất, tính theo tỷ trọng của GDP, Tajikistan (35%), Samoa (23%), Kyrgyzstan và Nepal (22%), Bangladesh (12%) và Philippines (9,4%).

#### 4. Sự kết nối

*Thuê bao điện thoại di động ở châu Á và Thái Bình Dương tăng hơn bốn lần so với thuê bao điện thoại cố định trong năm 2009 ...*

Năm 2009, tính chung toàn khu vực trong có 61 thuê bao điện thoại di động trên 100 người, và 15 thuê bao điện thoại cố định trên 100 người. Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động thấp nhất ở các nền kinh tế đang phát triển thuộc khu vực đảo Thái Bình Dương, 25 thuê bao điện thoại di động trên 100 người. Kiribati, các quần đảo phân tán với hơn 3,5 triệu km<sup>2</sup>, có tỷ lệ thấp nhất trong khu vực, ở mức 1 thuê bao điện thoại di động trên 100 người. Bắc và Trung Á là tiểu vùng duy nhất có số thuê bao điện thoại di động lớn hơn số dân - 131 thuê bao di động trên 100 người.

*• Số lượng người sử dụng Internet ở châu Á và Thái Bình Dương trong năm 2009 cao hơn 5 lần so với năm 2000 (20/100 sử dụng người trong năm 2009 so với 3/100 người sử dụng trong năm 2000)...*

Năm 2009 mức sử dụng internet chung trong khu vực là 20%, ở dưới mức trung bình thế giới là 27%. Số người sử dụng Internet là 820 triệu trong năm 2009, trong đó có 200 triệu người truy cập internet băng thông rộng cố định.

*• Trong năm 2008, trong số 30 cảng container lớn nhất thế giới có 20 cảng thuộc khu vực châu Á-Thái Bình Dương, trong đó có 5...*

Năm quốc gia khu vực châu Á-Thái Bình Dương có lưu lượng vận tải cập cảng container nhiều nhất là Trung Quốc, Singapore, Hồng Kông, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc.

*• Nhu cầu chung của châu Á và Thái Bình Dương về dịch vụ vận chuyển hành khách đường sắt từ năm 1995 đến năm 2008 tăng 72%, và vận chuyển hàng hóa tăng 84% năm 2009...*

Năm 1995 có 1,2 nghìn tỷ hành khách-km và 2,9 nghìn tỷ tấn-km hàng hóa vận chuyển bằng đường sắt ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương, trong năm 2008, có 2,1 nghìn tỷ hành khách-km, và trong năm 2009 đã có 5,3 nghìn tỷ tấn-km vận tải hàng hóa. Đường sắt của Trung Quốc, Ấn Độ và Nhật Bản có lượng hành khách-km cao nhất trong

năm 2008. Năm 2009, Trung Quốc, Ấn Độ và Liên bang Nga có khối lượng vận chuyển hàng hóa tấn-km cao nhất.

*• Trong mạng lưới đường cao tốc ở châu Á, nửa số đường một chiều không đạt chuẩn đã được nâng cấp đạt chuẩn giữa năm 2004 và 2008 ...*

Giữa năm 2004 và 2008, khoảng 11.000 km đường quốc lộ chưa đạt tiêu chuẩn của châu Á đã được nâng cấp lên đạt mức chuẩn tối thiểu, chỉ còn 8,0% đường một chiều thuộc mạng lưới chưa đạt mức chuẩn tối thiểu (mức tiêu chuẩn tối thiểu là mặt đường thâm nhập bitum dày gấp đôi có hai làn xe).

*• Du lịch phát triển mạnh ở châu Á và Thái Bình Dương, khu vực khách du lịch nội địa đạt gần 204 triệu, hoặc gần bằng 22% khách du lịch toàn thế giới trong năm 2010 ...*

Khách du lịch đến khu vực châu Á và Thái Bình Dương hơn 200 triệu người trong năm 2010, tăng 13% so với năm 2009. Tất cả các tiểu vùng (trừ khu vực Thái Bình Dương) có tốc độ tăng khách du lịch nội địa ở mức hai con số. Toàn khu vực, chi tiêu của khách du lịch đã tăng lên 249 tỷ USD năm 2010, tăng gần 22% từ tổng số 203 tỷ USD năm 2009. Ba nước là điểm đến của khách du lịch trong nước nhiều nhất là Trung Quốc, Malaysia và Thổ Nhĩ Kỳ.

*• Hơn 1/4 lượng phát thải khí CO<sub>2</sub> trên thế giới từ phương tiện giao thông của châu Á và Thái Bình Dương ...*

Trong năm 2008, ngành công nghiệp vận tải trong khu vực phát ra 1.704 triệu tấn CO<sub>2</sub> trong tổng số 6.605 triệu tấn của thế giới. Trong lượng phát thải này, giao thông đường bộ chiếm 82%, trong đó có 13% từ đường hàng không và tăng 3,1% từ đường sắt./.

**Nguyễn Thái Hà (dịch)**

*Nguồn: Asia-Pacific development 2011, Did you know? Statistical Yearbook for Asian and the Pacific 2011 <http://www.unescap.org/stat/data/syb2011/Did-you-know.asp>*